TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 05/2018/HS-ST.
Ngày 26-01-2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Vũ.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Văn Quân.
2. Ông Trần Huy Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Thị Sa The-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Nhị-Kiểm sát viên.

Trong ngày 26/01/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 16/2017/TLST-HS ngày 22/11/2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2018/QĐXXST-HS ngày 12/01/2018 đối với bị cáo:

Trần Văn T1; Sinh năm: 1985; Nơi sinh: Xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu; Nơi cư trú: Ấp D, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu; Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn H và bà Thái Kim P; Có vợ là bà Trịnh Thảo L1 và 02 người con, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2016; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 22/5/2017 đến nay. (có mặt)

- Bị hại:

1. Nguyễn Hồng T2; Sinh năm: 1995; Nơi cư trú: Ấp K, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

2. Huỳnh Trung T3; Sinh năm: 2000; Nơi cư trú: Ấp G, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (đã chết)

- Người đại diện hợp pháp của bị hại Huỳnh Trung Tính:

1. Nguyễn Thị D; Sinh năm: 1981; Nơi cư trú: Ấp G, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; là mẹ ruột của Huỳnh Trung T3. (có mặt)

2. Huỳnh Trung N1; Sinh năm: 1979; Nơi cư trú: Ấp G, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; là cha ruột của Huỳnh Trung T3. (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Trần Chí N2; Sinh năm: 1974; Nơi cư trú: Ấp X, xã M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. (vắng mặt)

2. Trịnh Thảo L1; Sinh năm: 1990; Nơi cư trú: Ấp D, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. (có mặt)

- *Người làm chứng:*

1. Diệp Thị Hồng T4; Sinh năm: 1973; Nơi cư trú: Ấp C xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

2. Phan Thái L2; Sinh năm: 1989; Nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

3. Lê Quang A1; Sinh năm: 1984; Nơi cư trú: Ấp Đ, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

4. Lê Thị H; Sinh năm: 1978; Nơi cư trú: Ấp Đại Nôn, xã Liêu Tú, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

5. Nguyễn Văn T5; Sinh năm: 1969; Nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

6. Thạch U; Sinh năm: 1985; Nơi cư trú: Ấp H, thị trấn L, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

7. Châu Ngọc A2; Sinh năm: 1977; Nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

8. Nguyễn Cẩm T6; Sinh năm: 1981; Nơi cư trú: Ấp G, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc khoảng 16 giờ 30 phút ngày 20/5/2017, tại KM28 Tỉnh lộ 934 thuộc ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, Trần Văn T1 điều khiển xe ôtô tải mang biển kiểm soát 94C-XXX.XX (do ông Trần Chí N2 đứng tên đăng ký xe ôtô) lấn sang phần đường bên trái để vượt xe buýt mang biển kiểm soát 83L-XXXX do Nguyễn Văn T5 điều khiển đậu sát lề đường bên phải hướng về Sóc Trăng thì đụng vào xe gắn máy hiệu Sirius mang biển kiểm soát 83PT-XXX.XX do Huỳnh Trung T3 điều khiển chở Nguyễn Hồng T2 đi theo chiều ngược lại. Tai nạn làm T3 bị thương nặng và chết trên đường đi cấp cứu, T2 bị thương, xe máy và xe ôtô tải bị hư hỏng. Sau khi tai nạn xảy ra, bị cáo T1 biết T3 và T2 bị thương nặng nhưng không đưa đi cấp cứu mà điều khiển xe ôtô bỏ trốn khỏi hiện trường tai nạn.

Sau khi tai nạn xảy ra, cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Trần Đề đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, thu giữ vật chứng, trưng cầu giám định, trưng cầu định giá tài sản, thực nghiệm điều tra và tiến hành lấy lời khai của những người có liên quan đến vụ án theo quy định của pháp luật tố tụng.

Theo Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 107/PY.PC45 ngày 15/6/2017 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Sóc Trăng kết luận: Nguyên nhân chết của Huỳnh Trung T3 do sốc đa chấn thương/tai nạn giao thông.

Đối với bị hại Nguyễn Hồng T2, sau khi điều trị thương tích đã có đơn từ chối giám định thương tật.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 27/KL.KLĐG ngày 23/6/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện Trần Đề kết luận: Xe gắn máy nhãn hiệu Sirius mang biển kiểm soát 83PT-XXX.XX bị tai nạn giao thông gây hư hỏng thiệt hại là 784.000 đồng; xe ôtô nhãn hiệu DOTHANH mang biển kiểm soát 94C-XXX.XX bị tai nạn giao thông gây hư hỏng thiệt hại là 2.358.000 đồng.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn T1 thống nhất với kết luận giám định và kết luận định giá tài sản. Bị cáo T1 khai nhận sự việc tai nạn giao thông xảy ra ngày 20/5/2017 giữa xe ôtô tải mang biển kiểm soát 94C-XXX.XX do T1 điều khiển và xe máy mang biển kiểm soát 83PT-XXX.XX do T3 điều khiển là do lỗi của bị cáo T1 thiếu quan sát khi điều khiển xe lấn sang phần đường bên trái để vượt xe buýt nên xảy ra tai nạn.

Trong quá trình điều tra, bị hại Nguyễn Hồng T2 thống nhất với kết luận giám định và kết luận định giá tài sản. Bà T2 xác định khi xảy ra tai nạn giữa xe ôtô tải và xe máy mang biển kiểm soát 83PT-XXX.XX do T3 điều khiển thì xe của T3 chạy đúng phần đường bên phải còn xe ôtô tải lấn hoàn toàn sang phần đường bên trái của xe ôtô tải. Bà T2 không yêu cầu bị cáo Trần Văn T1 bồi thường thiệt hại vì bị cáo T1 cùng gia đình và ông Trần Chí N2 đã bồi thường cho bà T2 số tiền là 17.000.000 đồng. Đồng thời, bà T2 xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T1.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị D và ông Huỳnh Trung N1 là người đại diện hợp pháp của bị hại Huỳnh Trung T3 thống nhất với kết luận giám định và kết luận định giá tài sản. Bà D và ông N1 không yêu cầu bị cáo Trần Văn T1 bồi thường thiệt hại vì bị cáo T1 cùng gia đình và ông Trần Chí N2 đã bồi thường số tiền là 160.000.000 đồng. Đồng thời, bà D và ông N1 xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T1.

Trong quá trình điều tra, ông Trần Chí N1 thống nhất với kết luận giám định và kết luận định giá tài sản. Ông N2 khai nhận là chủ xe ôtô tải mang biển kiểm soát 94C-XXX.XX, còn bị cáo T1 là tài xế lái thuê cho ông N2. Sau khi tai nạn xảy ra, ông N2 đã cùng bà Trịnh Thảo L1 là vợ của bị cáo T1 đến bồi thường cho gia đình của bị hại T3 số tiền là 160.000.000 đồng và bị hại T2 số tiền là 17.000.000 đồng, trong đó bà L1 đã đưa lại cho ông N2 số tiền là 55.000.000 đồng. Đối với số tiền còn lại là 122.000.000 đồng mà ông N2 đã bồi thường cho phía bị hại thì ông N2 không yêu cầu bị cáo T1 phải hoàn trả lại. Đồng thời, ông N2 cũng không yêu cầu bị cáo T1 bồi thường thiệt hại do xe ôtô tải bị hư hỏng.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bà Trịnh Thảo L1 thống nhất với kết luận giám định và kết luận định giá tài sản. Bà L1 xác định bị cáo T1 đã yêu cầu bà L1 đi cùng ông N2 đến phía gia đình bị hại để bồi thường thiệt hại và bà L1 đã chi trả cho ông N2 số tiền là 55.000.000 đồng để bồi thường thiệt hại cho phía bị hại, đây là tài sản chung của bà L1 và bị cáo T1.

Tại Cáo trạng số 18/QĐ-KSĐT ngày 21/11/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng để xét xử đối với Trần Văn T1 về tội "Vi phạm quy định về điều khiển

phương tiện giao thông đường bộ" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 202 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề luận tội đối với bị cáo Trần Văn T1, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trần Văn T1 phạm tội "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ"; áp dụng điểm c khoản 2 Điều 202, điểm b, điểm p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46 và Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), Nghị quyết số 41/2017/NQ-QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2015); xử phạt Trần Văn T1 từ 03 năm 06 tháng tù đến 04 năm 06 tháng tù và giải quyết về xử lý vật chứng, án phí của vụ án.

Nói lời sau cùng tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn T1 xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Trần Đề, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của bị hại Nguyễn Hồng T2, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Trần Chí N2, người làm chứng Diệp Thị Hồng T4, Phan Thái L2, Nguyễn Văn T5, Thạch U, Châu Ngọc A2, Nguyễn Cẩm T6 tại phiên tòa. Xét sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 292, 293 và 299 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Qua xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa cho thấy: Bị cáo Trần Văn T1 đã khai nhận toàn bộ hành vi đã thực hiện như Cáo trạng của Viện kiểm sát. Lời thừa nhận của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai trước đây của bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng và vụ án còn được chứng minh qua các tài liệu, chứng cứ như biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản thu giữ vật chứng, kết luận giám định, kết luận định giá tài sản, biên bản thực nghiệm điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án mà cơ quan điều tra đã thu thập được. Bị cáo Trần Văn T1 là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, vào ngày 20/5/2017 bị cáo T1 đã điều khiển xe ôtô tải vượt xe không an toàn dẫn đến gây tai nạn làm cho ông Huỳnh Trung T3 bị chấn thương dẫn đến chết và sau khi gây tai nạn, mặc dù phát hiện bị hại bị thương nặng nhưng bị cáo

T1 đã không đưa bị hại đi cấp cứu mà bỏ trốn để trốn trách nhiệm. Hành vi của bị cáo T1 đã vi phạm quy định khoản 2 Điều 14 và khoản 17, khoản 18 Điều 8 của Luật Giao thông đường bộ năm 2008. Do vậy, việc Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề truy tố bị cáo Trần Văn T1 về tội "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ", theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 202 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) là có căn cứ, là đúng người, đúng tội, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Tội phạm do bị cáo Trần Văn T1 gây ra, đã xâm phạm đến trật tự, an toàn trong hoạt động giao thông đường bộ, đồng thời xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, tài sản của người khác. Với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội do bị cáo thực hiện, Hội đồng xét xử sẽ áp dụng một mức án tù nghiêm khắc đối với bị cáo, để có tác dụng trừng trị, giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[5] Tuy nhiên, Hội đồng xét xử cũng cân nhắc việc bị cáo T1 là người có nhân thân tốt; bị cáo và gia đình đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại; tại phiên toà, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và phía bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; ông ngoại của bị cáo là người có công với cách mạng. Khi lượng hình, Hội đồng xét xử sẽ áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm p khoản 1 Điều 46 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) đối với bị cáo, để giảm nhẹ một phần hình phạt mà lẽ ra bị cáo phải chịu, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật Nhà nước ta.

[6] Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Trần Đề đã thu giữ vật chứng, tài sản liên quan đến vụ án bao gồm: 01 (Một) xe ôtô tải nhãn hiệu DOTHANH, màu xanh, mang biển kiểm soát 94C-XXX.XX, số khung X, số máy X; 01 (Một) giấy phép lái xe hạng A1, C số X; 01 (Một) giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật bảo vệ môi trường số X; 01 (Một) giấy chứng nhận bảo hiểm số X; 01 (Một) giấy đăng ký xe số X; 01 (Một) xe gắn máy nhãn hiệu Sirius, màu trắng, mang biển kiểm soát 83PT-XXX.XX, số khung X, số máy X; 01 (Một) giấy đăng ký xe số X; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone vỏ đen trắng đã qua sử dụng; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Goly G117 có bàn phím màu xanh đã qua sử dụng; 01 (Một) giỏ đồ bằng vải màu đen đựng nhiều quần áo; 01 (Một) mảnh nhựa trong suốt (chá đèn chiếu sáng) kích thước 38cm x 15cm; 02 (Hai) mảnh nhựa màu trắng có kích thước 05cm x 2,5cm và 01cm x 01cm.

[7] Trong quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Trần Đề đã giao trả lại cho chủ sở hữu các tài sản thu giữ thuộc sở hữu hợp pháp của công dân, còn lại các vật chứng là 01 (Một) mảnh nhựa trong suốt (chá đèn chiếu sáng) kích thước 38cm x 15cm và 02 (Hai) mảnh nhựa màu trắng có kích thước 05cm x 2,5cm và 01cm x 01cm được chuyển giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Đề quản lý (theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 21/11/2017). Xét các vật chứng trên hiện không sử dụng được, căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tịch thu và tiêu hủy.

[8] Về bồi thường thiệt hại:

[9] Bị cáo Trần Văn T1 cùng gia đình và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Trần Chí N2 đã bồi thường thiệt hại cho bị hại Nguyễn Hồng T2 số tiền là 17.000.000 đồng và người đại diện hợp pháp của bị hại Huỳnh Trung T3 số tiền là 160.000.000 đồng. Bị hại Nguyễn Hồng T2, người đại diện hợp pháp của bị hại Huỳnh Trung T3 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Trần Chí N2 không có yêu cầu bị cáo Trần Văn T1 bồi thường thiệt hại, nên không đặt ra xem xét.

[10] Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì bị cáo Trần Văn T1 chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

[11] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào các điều 331 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại Nguyễn Hồng T2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Trần Chí N1 vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 202, điểm b, điểm p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46 và Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); khoản 2 Điều 14 và khoản 17, khoản 18 Điều 8 của Luật Giao thông đường bộ năm 2008.

* Tuyên bố bị cáo Trần Văn T1 phạm tội "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ".

* Xử phạt bị cáo Trần Văn T1 03 (Ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/5/2017.

* Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu và tiêu hủy đối với vật chứng của vụ án là 01 (Một) mảnh nhựa trong suốt (chá đèn chiếu sáng) kích thước 38cm x 15cm và 02 (Hai) mảnh nhựa màu trắng có kích thước 05cm x 2,5cm và 01cm x 01cm (Các vật chứng trên hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng quản lý theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 21/11/2017).

* Về bồi thường thiệt hại: Bị hại Nguyễn Hồng T2, người đại diện hợp pháp của bị hại Huỳnh Trung T3 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Trần Chí N2 không có yêu cầu bị cáo Trần Văn T1 bồi thường thiệt hại, nên không đặt ra xem xét.

* Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử buộc bị cáo Trần Văn T1 chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng).

* Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào các điều 331 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại Nguyễn Hồng T2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Trần Chí N2 vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người đại diện hợp pháp của bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- VKSND huyện Trần Đề;
- Công an huyện Trần Đề;
(cơ quan CSĐT và bộ phận HSNVCS);
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV&THA);
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu (HSVA & TA).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Thanh Vũ